

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 671/2026/QĐST-VHNGĐ *Đồng Nai, ngày 15 năm 5 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 603/2026/TLST-VHNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

- Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **E, tổ C, khu phố C, phường L, thành phố Đ.**

- Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Trị.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị H** và ông **Nguyễn Thanh S** kết hôn vào ngày 20 tháng 5 năm 2024, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị** trên cơ sở tự nguyện. Nay bà **H**, ông **S** xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà **H**, ông **S** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Về lệ phí: Bà **Trần Thị H** và ông **Nguyễn Thanh S** mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng bà **H**, ông **S** đã nộp.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Thị H** và ông **Nguyễn Thanh S** thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà **Trần Thị H** và ông **Nguyễn Thanh S** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí việc hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà **H**, ông **S** đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005413 ngày 12/3/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà **H**, ông **S** đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

Trần Thị Thúy